TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;

2. Ông Phan Phước Tân.

- *Thư ký ghi biên bản*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 357/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 653/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 703/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 4A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 180, ấp V, xã H, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà P vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị Thu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D là do tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng nhau đi thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn sinh sống và phát sinh mâu thuẫn tại đây. Trong quá trình chung sống ông D thường xuyên say rượu lớn tiếng, ra tay đánh và có nhiều lời xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà cùng gia đình bà. Gia đình ông D chứng kiến nhưng không có ý kiến để ông bà tự giải quyết với nhau, bà quay về quê ở Đắk Lắk để sinh sống nhưng ông D vẫn không thay đổi. Nhiều lần bà khuyên ngăn không được nên quyết định ly thân từ năm 2019 đến nay, ông D có hàn gắn nhưng bà kiên quyết không đồng ý. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 24/7/2013 và Trần Ngọc L, sinh ngày 13/5/2017, hiện do bà P chăm sóc. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông D.

Cháu Trần Hạo N có văn bản trình bày ý kiến: Cha mẹ cháu hiện đã không còn chung sống với nhau. Hiện tại cháu ở với mẹ tại nhà bà ngoại, cháu đang học lớp 4 trường Tiểu học T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ và không yêu cầu cha phải làm gì cho cháu. Ngoài ra cháu N còn cho biết, từ khi còn nhỏ đã chứng kiến nhiều lần cha thường xuyên uống rượu rồi ra tay đánh mẹ, được bà ngoại và cậu can ngăn nhiều lần nhưng không thay đổi; cháu ở với mẹ từ năm 2019 đến nay cha không về thăm, thỉnh thoảng chỉ điện thoại về nói chuyện với cháu và em L.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông D theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông D và bà P để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh ngày 20/9/2022 của Công an xã H cung cấp hiện ông Trần Văn D có địa chỉ đăng ký thường trú tại tổ 11, ấp V, xã H chưa thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 2002 là em ruột của bà P cho biết ông D và bà P là do tự tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ở quê ông D. Sau khi kết hôn ông bà làm ở Hồ Chí Minh và phát sinh mâu thuẫn tại đây. Nguyên nhân mâu thuẫn thì bà N không rõ nhưng khi ông bà về quê sinh sống trong một thời gian ngắn thì ông D thường xuyên ra tay đánh bà P, gia đình có khuyên ngăn và hàn gắn nhưng không có kết quả nên để ông bà tự giải quyết với nhau, ông D để lại vợ con ở quê vợ vào thành phố làm từ năm 2019 đến nay. Ông bà có 02 con chung hiện do bà P chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung thì khi xảy ra mâu thuẫn ông D đã mang tài sản đi hết, riêng nợ thì không có.

Tại phiên tòa, bà P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà P chung sống với ông D đến năm 2019 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông D hiện có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà P và ông D hình thành do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 07/02/2013 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà P vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông D. Ông D nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với bà P.

Tại phiên tòa hôm nay bà P vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2019 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà P cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do trong quá trình chung sống ông D thường xuyên say rượu lớn tiếng, ra tay đánh và có nhiều lời xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà cùng gia đình bà. Gia đình ông D chứng kiến nhưng không có ý kiến để ông bà tự giải quyết với nhau, bà quay về quê ở Đắk Lắk để sinh sống nhưng ông D vẫn không thay đổi. Nhiều lần bà khuyên ngăn không được nên quyết định ly thân từ năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N là em ruột của bà P. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 24/7/2013 và Trần Ngọc L, sinh ngày 13/5/2017, hiện do bà P cùng gia đình chăm sóc. Khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi con chung.

Đối với yêu cầu của bà P về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà P cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này.

Ngoài ra, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà P nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu N và cháu L cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu P được ly hôn với ông Trần Văn D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14/HT ngày 07/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã H mang tên ông Trần Văn D và Nguyễn Thị Thu P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu P được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 24/7/2013 và Trần Ngọc L, sinh ngày 13/5/2017.

Công nhận tự nguyện của bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lại thu số 0006530 ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà P nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2022) thời hạn kháng cáo của bà P và ông D được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

Nguyễn Thị Thảo Ngân